

Chương 15

CHÙA BÀ ĐANH

Ngay sau khi đến thăm chùa Đọi Sơn vào chủ nhật tuần trước. Chủ nhật tuần này, Quyên và Tuấn Anh tiếp tục xuống thăm Chùa Bà Đanh, Hà Nam. Quyên quyết tâm đẩy nhanh công việc thu thập tài liệu liên quan đến luận án.

Trên xe, Quyên mở máy tính đọc cho Tuấn Anh nghe tóm lược về chùa:

Chùa Bà Đanh còn có tên gọi khác là Bảo Sơn Tự nằm tại làng Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chùa Bà Đanh liên quan đến sự lan truyền tôn giáo từ vùng Dâu, xưa kia gọi là Luy Lâu.

Luy Lâu, từ năm 111 đến năm 106 trước Công nguyên, là thủ phủ của quận Giao Chỉ và của cả Giao Châu. Luy Lâu, đến năm 905 sau Công nguyên, không chỉ là trung tâm chính trị, mà còn là trung tâm kinh tế - thương mại, trung tâm văn hóa - tôn giáo lớn và cổ xưa nhất của Việt Nam. Đây là nơi giao lưu của văn hóa Phật giáo, từ Ấn Độ, Trung Á, Nam Á sang và văn hóa Nho Lão, từ phương Bắc (Trung Hoa - Đông Á) xuống, để rồi kết tụ thành văn hóa Kinh Việt.

Vùng Dâu có 5 ngôi chùa cổ: Chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) thờ Pháp Vân; Chùa Đậu thờ Pháp Vũ; Chùa Tướng thờ Pháp Lôi; Chùa Dàn thờ Pháp Điện và Chùa Tổ thờ Man Nương là mẹ của Tứ Pháp.

Man Nương là một nữ tu từ năm 10 tuổi tại Chùa Phúc Nghiêm. Vị sư trụ trì chùa là Khâu Đà La, theo truyền thuyết là nhà sư Ấn Độ, sang Giao Châu vào thời Hán Linh Đế (trị vì năm 168 - 189). Tối đến, Man Nương ngủ tại thềm chùa. Một buổi tối,

Khâu Đà La bước qua thềm. Man Nương có thai, qua 20 tháng sinh hạ một bé gái và mang đến chùa trả cho thiền sư. Thiền sư hóa phép đưa bé nhập vào thân một cây cổ thụ cạnh chùa.

Sau đó, Khâu Đà La trao cây gậy tích trượng của mình cho Man Nương và dặn khi nào hạn hán thì mang ra dùng. Khi vùng Dâu hạn hán 3 năm liền, nhớ lời dặn của thiền sư, Man Nương mang cây tích trượng cắm xuống đất. Ngay lập tức, nước phun lên. Chúng sinh thoát nạn. Tiếp đó có trận mưa to, cuốn cây cổ thụ cạnh chùa xuống sông Dâu, dạt về Luy Lâu. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (cai trị năm 187 - 226) cho người vớt lên, song không được. Man Nương đi qua, nhận ra cây cổ thụ ở chùa xưa, làm phép với cây lên. Thái Thú thấy thế kinh sợ và cho người lấy gỗ cây thiêng tạc bốn pho tượng Phật mẫu, tượng trưng cho sức mạnh siêu nhiên: Tạc xong pho thứ nhất thì trời hiện mây ngũ sắc nên đặt tên là Pháp Vân; Tạc xong pho thứ hai thì trời đổ mưa nên đặt là Pháp Vũ; Tạc xong pho thứ ba thì trời nổi sấm nên đặt là Pháp Lôi; Tạc xong pho thứ tư thì trời nổi sét nên đặt là Pháp Điện. Bốn tượng được thờ trong bốn chùa trong cùng khu vực: Chùa Dâu, Chùa Đậu, Chùa Dàn, Chùa Tướng. Khi tạc tượng, thợ phát hiện trong thân cây cổ thụ một khối đỏ tỏa sáng. Khối đá ấy gọi là Thạch Quang Phật (*Phật đá tỏa sáng*), được mang về thờ trong Chùa Dâu (tại xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, thờ các vị thần gắn với văn minh nông nghiệp, từ Luy Lâu lan truyền khắp vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Có nhiều quan niệm về tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Trong đó có nhận thức về tín ngưỡng, tôn giáo bản địa - Thần đạo Việt Nam (thờ tổ tiên, cha mẹ, các vị có công với dân với nước, tự nhiên xung quanh), không chỉ là đức tin kết nối con người với con người, con người với tự nhiên, vũ trụ mà còn kết nối cả tôn giáo với tôn giáo. Tứ Pháp là một hình thức tín ngưỡng được hình

thành chính từ sự kết nối, hòa hợp giữa đạo Mẫu (thờ các vị thần tự nhiên bản địa, mang yếu tố nội sinh) và đạo Phật (yếu tố ngoại nhập).

Trong tín ngưỡng thờ Tứ Pháp thì Pháp Vân đứng đầu, đại diện cho cả Tứ Pháp. Mỗi khi triều đình thỉnh tượng về kinh đô cầu đảo, có thể rước cả bốn tượng hoặc chỉ mình Pháp Vân.

Thời bấy giờ, mỗi khi các vua thời Lý đến chùa Đậu cầu khẩn đều linh ứng. Từ đó, chùa các nơi đua nhau xin rước Tứ Pháp về thờ.

Tại Hà Nam, có nhiều chùa thờ Tứ Pháp, được gọi bằng những cái tên gắn với địa phương. Dân làng Quế Lâm gọi Pháp Vân là Bà Bến (Chùa Quế Lâm); dân làng Đan Xá gọi Pháp Vũ là Bà Đan (Chùa Bà Đan), dân làng Phú Lý gọi Pháp Điện là Bà Bầu (Chùa Bà Bầu)...

Theo truyền thuyết, vùng làng Đan Xá, cạnh sông Đáy hay gặp mưa lũ dẫn đến mùa màng thất thu, thiếu đói kéo dài và người dân phải bỏ làng ra đi. Vào một ngày kia, bậc trưởng lão trong làng được một nữ thần báo mộng rằng sẽ về đây trông nom và chỉ bảo dân làng cách làm ăn. Dân làng dựng đền thờ nữ thần. Đền vừa dựng xong, cây mít cổ thụ 1.000 tuổi gần đền bỗng rụng bị mưa quật đổ. Dân làng lấy gỗ để tạc tượng thần. Khi tượng vừa tạc xong, người dân lại vớt được trên sông Đáy một cái ngai bằng gỗ. Pho tượng tạc xong đặt vừa khít vào ngai.

Từ khi lập Chùa Bà Đan thờ Pháp Vũ (Thần Mưa), trong vùng mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, người dân quay về sinh sống. Những người làm nghề sông nước, qua đoạn sông này đều lên đền cầu nguyện. Vào thế kỷ VII, Chùa Bà Đan vẫn còn đơn sơ. Chùa Bà Đan được trùng tu nhiều lần. Đến thế kỷ XVII, chùa được xây dựng lại với quy mô lớn hơn, bao gồm nhiều công trình với gần 40 gian nhà.

Quyên dùng đọc và hỏi Tuấn Anh:

- Chùa Bà Đanh được đánh giá là một trong những ngôi chùa đẹp và cổ kính nhất tỉnh Hà Nam và được biết đến khắp Việt Nam nhờ câu nói lan truyền đầy tính triết lý và bí ẩn: “*Vắng như Chùa Bà Đanh*”. Anh có lần nào nghe về câu này chưa?

- Anh đã có nghe. Song chưa để ý kỹ!. Tuấn Anh nói.

- Đã có nhiều truyền thuyết giải thích về câu bình luận này.

Quyên nói rồi mở tìm tài liệu trong máy tính và đọc:

- Có thuyết cho rằng, do Chùa Bà Đanh nằm tách xa khu dân cư, sông bao bọc, cây cối um tùm. Mỗi khi dân làng có việc lên chùa phải đi thuyền, gõ chiêng trống để xua đuổi thú dữ. Vì vậy chùa mới vắng.

Song lại có thuyết cho rằng, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp dần hết vai trò tôn giáo cốt lõi khi vùng Luy Lâu không còn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của người Việt (tồn tại đến năm 905). Từ năm 968, khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn 12 sứ quân lên ngôi hoàng đế, trung tâm chính trị của nước Đại Việt chuyển về Hoa Lư, Ninh Bình. Trong các triều Tiền Lê, Lý, Trần, đạo Phật Đại thừa dần có vai trò như quốc đạo của Việt Nam.

Vào thế kỷ XV đến XVII, đời Hậu Lê, xuất hiện vị Thánh Tứ bất tử thứ tư - Thánh Liễu Hạnh với Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ. Cũng là tín ngưỡng thờ Mẫu, song Đạo Mẫu đã đạt đến mức “*Đạo*”, trong khi tín ngưỡng thờ Tứ Pháp vẫn chỉ dừng ở mức “*Pháp*” gắn với đạo Phật. Tại tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, quan niệm về tự nhiên hẹp, chỉ có miền trời (Thiên phủ: mây, mưa, sấm, chớp). Trong khi đó, tại Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ, ngoài miền trời, lại có thêm miền rừng núi (Nhạc phủ), miền sông nước (Thủy phủ) và miền đất (Địa phủ). Tứ Pháp không có cách sắp đặt thờ tự và thực hành tín ngưỡng đủ sâu, rộng về văn hóa để thu phục dân vùng đất cũ và vùng đất mới (miền Trung, miền Nam) như Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ. Chùa Bà Đanh thờ Tứ Pháp nằm giữa hai nơi thờ tự thu hút đông đảo tín đồ, du

khách là chùa Phật giáo Đại thừa và phủ Mẫu Liễu Hạnh. Hệ thống chùa thờ Tứ Pháp chỉ tồn tại ở miền Bắc. Câu "Vắng như Chùa Bà Đanh" có ý là như vậy.

*

* *

Sau khi gửi xe vào chỗ đỗ, cả hai vào thăm chùa.

Chùa Bà Đanh nằm trên một gò núi thấp bên tả ngạn sông Đáy, được tạo bởi sông uốn lượn từ Bắc xuống Nam, đến đây gặp gò núi, chảy vòng tránh về hướng Tây, rồi tiếp tục xuôi theo hướng Nam.

Sơ đồ chùa tại cổng ra vào cho thấy: Chùa Bà Đanh ngày nay có diện tích 10 ha, quay theo hướng Tây nam ra sông Đáy. Các công trình trong chùa hiện nay đều được xây dựng từ thế kỷ XIX trở lại đây. Quần thể chùa Bà Đanh gồm: Núi Ngọc, nghi môn, điện thờ, tả vu, hữu vu, nhà tổ, nhà tăng, nhà Mẫu và các công trình phụ trợ. Chùa có tường bao xung quanh. Núi Ngọc nằm bên ngoài tường bao.

Đúng là Chùa Bà Đanh, thật vắng vẻ chỉ có hai người khách là Quyên và Tuấn Anh.

Cả hai vào chùa. Ấn tượng đầu tiên là núi Ngọc, nằm tại phía trước, lối vào chùa. Theo tài liệu Quyên thu thập được, núi Ngọc là một nhóm các nhũ đá vôi nhô lên, nằm trong hệ thống núi đá kéo dài từ Hòa Bình xuống theo hướng Tây bắc - Đông nam qua xã Tượng Lĩnh, Khả Phong, Liên Sơn của huyện Kim Bảng. Về nền móng địa chất, chính quả núi này làm cho dòng sông Đáy phải chuyển dòng để tạo thành gò. Núi Ngọc không cao lắm. Trên núi có một cây si cổ thụ, tương truyền có tới hàng trăm tuổi. Về bí hiểm của núi Ngọc gắn với suy nghĩ liên quan đến kho báu, làm Quyên đặc biệt chú ý đến ngọn núi này.

- Em muốn xem qua!. Quyên nói và rẽ vào con đường mòn dẫn tới ngọn núi nhỏ. Cách ngọn núi khoảng 20 m, con đường

dừng lại. Cả hai đứng từ đây ngắm ngọn núi bị che phủ bởi cây cối. Thấy Quyên có vẻ muốn đi tiếp, Tuấn Anh can:

- Không nên đi vào, có nhiều hốc đá và rắn độc.

Nghe đến rắn độc, Quyên dừng lại không đi tiếp nữa. Cả hai đứng nhìn một lúc rồi quay ra vào chùa.

Chùa có một sân rộng, hướng về phía Tây nam.

Với một linh cảm, Quyên bảo Tuấn Anh dừng lại, mở máy tính vào mạng, mục tìm kiếm địa điểm (earth.google), để tra cứu về hướng công trình.

- Bố cục chùa này thật lạ. Bốn phía là sông, song lại chọn mặt chính chùa theo hướng Tây nam, hướng về phía đầu dãy núi bên kia sông Đáy. Rất hiếm ngôi chùa bố trí theo thuật Phong thủy lại không dựa lưng vào núi, lại quay mặt vào đầu nhọn của dãy núi. Không rõ bố cục như vậy truyền tải một thông điệp gì?

- Cũng thật lạ!. Tuấn Anh phụ họa.

Quyên và Tuấn Anh qua cổng nhỏ bên cạnh nghi môn để vào chùa.

Ngôi chùa không lớn. Điện thờ Chùa Bà Đanh có mặt bằng kiểu "*chữ tam*", gồm: tiền đường, trung đường và hậu đường. Tòa hậu đường hay thượng điện có 3 gian, xây cao vượt lên so với tòa tiền đường và trung đường. Trong tòa thượng điện có nhiều tượng thờ như tượng Tam thế Phật, Ngọc Hoàng, Thái thượng Lão Quân... và tượng Bà Đanh. Phía Đông của chùa là nhà tổ, nhà tăng, nhà Mẫu và công trình phụ trợ.

Quyên và Tuấn Anh đến thắp hương trên các ban thờ Phật Tổ, Phật Mẫu, trên các ban thờ tại nhà tổ, nhà tăng, nhà Mẫu.

Sau đó, cả hai quay ra sân trước chùa.

Quyên mở lời:

- Tại sao, một ngôi chùa nổi tiếng nằm gần khu dân cư đông đúc, lại vắng người, ngay cả bây giờ người ta làm đường ra vào

thuận tiện? Kể liền đó hiện đã xây dựng một ngôi chùa mới to lớn, được tuyên truyền rộng khắp để thu hút du khách là Chùa Tam Chúc.

Quyên tiếp tục:

- Nếu giả sử, Chùa Bà Đanh là một địa điểm chôn cất kho báu, thì có cần phải tuyên truyền mọi người đến thăm viếng không? Thậm chí tại đây còn có truyền thuyết rằng, người vào thăm chùa, nếu dám cưỡi cột, bắt kính dù chỉ một câu cũng sẽ bị trừng phạt nặng nề. Vì thế khách hành hương ngày càng ít ghé thăm ngôi chùa này, nhằm tránh những tai họa do những câu vạ miệng.

- Đúng vậy, càng ít người đến thăm càng tốt, đỡ bàn bạc, tránh vạ miệng!. Tuấn Anh phụ họa.

Quyên tiếp tục:

- Chùa Bà Đanh liên quan đến vùng đất có tên Ba Sao. Theo truyền thuyết, phía Tây nam khu vực Chùa Hương có một dãy núi 99 ngọn, trong đó 7 ngọn núi gần làng Tam Chúc. Vào một đêm, trên 7 ngọn núi này xuất hiện đốm sáng, được cho là tỏa ra từ các báu vật, tựa như 7 ngôi sao sáng lung linh. Nhiều kẻ biết tin, tìm đến đào bới. Sau nhiều năm, chúng lấy đi 4 báu vật. Chỉ còn 3 báu vật và hiện vẫn tiếp tục tỏa sáng trên 3 ngọn núi vào những đêm đẹp trời. Từ đấy vùng này có tên là Ba Sao. Tại đây có ngôi chùa Thất tinh (Chùa Bảy sao) sau đó cũng đổi thành Chùa Ba Sao.

Người ta cho rằng, tại vùng này có 7 huyệt đạo hay 7 kho báu. Người Tàu đã tìm thấy và lấy đi 4 kho báu. May mà còn lại 3 huyệt đạo.

Quyên tiếp tục hỏi:

- Nếu chùa Bà Đanh là Kiến trúc kho báu, thì địa điểm cụ thể nào có thể là nơi chôn cất kho báu?

- Gò núi đối diện bên kia sông và núi Ngọc. Gò núi bên kia sông có thể là một trong 3 gò núi còn kho báu xưa. Tuấn Anh trả lời.

Quyên cười:

- Có thể. Anh còn nghĩ được, thì người khác cũng nghĩ được. Người Tàu cũng nghĩ được. Điểm mấu chốt là làm sao đến được kho báu và mở được cửa kho báu.

Có truyền thuyết cho rằng, đầu thế kỷ XV, quân Minh không chỉ đến đập phá Chùa Đọi Sơn mà cả núi Ngọc và Chùa Bà Đanh để tìm kiếm huyết đạo hay kho báu. Người Tàu còn đục phá cả núi gò núi bên kia sông.

Cũng như tại chùa Đọi Sơn, tại Chùa Bà Đanh có thể họ không cướp được kho báu nào.

Trên đường ra, cả hai đều nhìn vào núi Ngọc và theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.